

Bản án số: **111/2020/HS-PT**

Ngày: 25-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương

Ông Vũ Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 542/2019/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1984, tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết năm 1992) và bà Phan Thị T (đã chết năm 2011); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25 tháng 01 năm 2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 03 tháng 03 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Tiền án: Ngày 20 tháng 10 năm 2003, Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 năm tù về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26 tháng 04 năm 2017. Ngày 06 tháng 05 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại

khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được trả tự do tại phiên tòa vào ngày 06 tháng 5 năm 2019. Bị bắt ngày 20 tháng 05 năm 2019. (Bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T quen biết và nảy sinh tình cảm với chị Trần Thị Mỹ N nhưng chị N chỉ coi T là bạn. Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 19 tháng 5 năm 2019, T cùng chị N và một số người bạn của chị N đi ăn nhậu và hát Karaoke. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 20 tháng 5 năm 2019, sau khi ăn nhậu xong, chị N điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai biển số 60A-113.XX chở chị T về nhà của chị N tại tổ 42, khu phố D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai. Chị N điều khiển xe chạy phía trước còn T điều khiển xe ô tô hiệu Ford Ranger biển số 60C-469.XX chạy phía sau, vì muốn được về nhà chị N ngủ nên T đã nhiều lần gọi điện đề nghị nhưng chị N không đồng ý. Khi cả hai xe chạy về trước cổng, vì không muốn cho T vào nhà mình nên chị N điều khiển xe ô tô 60A-113.XX đậu ngay sát cửa ra vào của gara xe, chị cho phần đuôi xe ô tô 60A-113.XX cách cửa ra vào khoảng 01m rồi điều khiển cho cửa gara sập xuống. Bực tức với hành động của chị N, T đã điều khiển xe ô tô biển số 60C-469.XX tông liên tiếp 03 (ba) lần vào đuôi xe ô tô 60A-113.XX, làm cho xe bị đẩy về phía trước khoảng 12m rồi lao xuống hố ở cuối gara xe gây hư hỏng một số bộ phận ở phần đuôi xe gồm: Cản sau, cốp sau, bọng cốp sau và đèn. Sau đó T chạy xe vào Gara và ngủ trên xe ô tô 60C-469.XX cho đến tới khi bị Công an phường E mời về trụ sở làm việc. Quá trình điều tra T đã thừa nhận T bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 211 ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: Tổng giá trị thiệt hại do hư hỏng của xe ô tô Hyundai biển số 60A-113.XX là 15.975.750đ (*Mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 253 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô Ford Ranger biển số 60C-469.XX là 10.931.650đ (*Mười triệu chín trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*).

Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) xe ô tô hiệu Hyundai biển số 60A-113.XX số khung KMHDH41EBDU859488, số máy G4NBDU699033 bị hư hỏng một số bộ phận của xe như cản sau, cốp sau, bọng cốp sau. Qua điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị T (*Chị T giao cho bà Trần Thị T quản*

lý; sau đó bà T giao xe cho chị N trực tiếp quản lý và sử dụng). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã giao trả xe cho bà Trần Thị T.

- 01 (Một) xe ô tô hiệu Ford Ranger biển số 60C-469.XX số khung MNCUMFF40KW924910, số máy YM2QW924910, thuộc quyền sở hữu của chị Vũ Phúc Thiên A (em dâu của T), chị A cho T mượn để sử dụng không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại xe cho chị A.

- 01 (Một) USB lưu giữ 02 đoạn Video ghi lại hình ảnh sự việc (lưu giữ tại hồ sơ).

Về dân sự: Nguyễn Ngọc T đã bồi thường số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thiệt hại về tài sản cho chị Trần Thị Mỹ N. Chị N không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Chị Trần Thị Mỹ N đã giải quyết xong việc bồi thường thiệt hại của xe ô tô biển số 60A-113.XX cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T.

Chị Vũ Phúc Thiên A không yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô Ford Ranger biển số 60C-469.XX.

Tại bản cáo trạng số 493/CT/VKS-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo quy định tại Điều 178 khoản 2 điểm g Bộ luật Hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 542/2019/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T: 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 178 Bộ luật hình sự; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại tổ 42, khu phố D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Ngọc T đã có hành vi cố ý điều khiển xe ô tô hiệu Ford Ranger biển số 60C-469.XX tông liên tiếp vào đuôi xe ô tô biển số 60A-113.XX thuộc quyền quản lý của chị Trần Thị Mỹ N. Hậu quả dẫn đến tài sản bị thiệt hại là 15.975.750đ (*Mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại thuộc trường hợp người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 03 (ba) năm tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác chưa được xem xét. Bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015; (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T: 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án huyện (2);
- Viện kiểm sát huyện;
- Viện kiểm sát tỉnh;
- Phòng PV 27;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo – Trại tạm giam;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phong